

KẾ HOẠCH

**Triển khai Chuyển đổi số và thực hiện Khung Đề án “An Giang điện tử”
trên địa bàn xã Tân Thạnh năm 2023**

Căn cứ Kế hoạch số 902/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 của UBND tỉnh về việc Ban hành Bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 412/KH-UBND ngày 14/3/2023 của UBND thị xã Tân Châu về việc Thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Thị ủy thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang về chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Căn cứ Kế hoạch số 789/KH-UBND ngày 28/5/2020 của UBND thị xã Tân Châu về việc triển khai thực hiện Khung Đề án “An Giang điện tử” giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030 tại thị xã Tân Châu;

Căn cứ Kế hoạch số 560/KH-UBND ngày 31/3/2023 của UBND thị xã Tân Châu về triển khai Chuyển đổi số và thực hiện Khung Đề án “An Giang điện tử” trên địa bàn thị xã Tân Châu năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 311KH-UBND ngày 14/2/2023 của Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh về thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang về Chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Ủy ban nhân dân xã xây dựng Kế hoạch triển khai Chuyển đổi số và thực hiện Khung Đề án “An Giang điện tử” trên địa bàn xã Tân Thạnh năm 2023, như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Chủ đề chuyển đổi số năm 2023: “Dữ liệu số, tạo lập và khai thác dữ liệu để tạo ra giá trị mới”.

2. Định hướng:

Cơ quan nhà nước tập trung vào các hoạt động phát triển, kết nối, chia sẻ, khai thác, phân tích dữ liệu phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số với các định hướng trọng tâm:

(1) Người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến;

(2) Doanh nghiệp được khai thác dữ liệu, dữ liệu mở do cơ quan nhà nước cung cấp để phục vụ sản xuất, kinh doanh;

(3) Cơ quan nhà nước sử dụng dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu từ máy sinh ra theo thời gian thực để hỗ trợ ra thông báo, giảm thiểu hoạt động báo cáo thủ công giữa các cấp.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2023

1. Phát triển chính quyền số:

- 100% dịch vụ công (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến toàn trình.
- 40% thông tin người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến.
- 30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.
- 60% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (LRIS); đồng thời được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.
- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử.
- 80% lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng tập huấn kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu đề ra quyết định và hoạch định chính sách; kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin.
- 80% cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.
- 60% người dân, doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ số của Chính quyền số xã cung cấp; Nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp góp phần tạo sự đồng thuận cao nhất trong nhân dân.
- 20% người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính phủ điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.
- 50% hồ sơ giải quyết trực tuyến.
- 80% DVCTT (toàn trình, một phần) phát sinh hồ sơ trực tuyến.
- 40% dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp.
- 65% được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).
- Sử dụng cơ sở dữ liệu dùng chung và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các đơn vị trên địa bàn xã Tân Thạnh.
- UBND xã có ít nhất 01 sáng kiến, mô hình hay về chuyển đổi số.
- 100% Hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý của xã được phân loại, xác định và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đảm bảo đúng theo Thông tư 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022.

*** Giải pháp:**

- Tổ chức các hoạt động triển khai hướng dẫn người dân và doanh nghiệp

sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

- Các tổ công nghệ số cộng đồng tập trung hướng dẫn người dân và doanh nghiệp triển khai các ứng dụng, nâng cao sự tương tác giữa chính quyền và người dân. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên nền tảng số kịp thời, chính xác, hiệu quả. Tham gia và cung cấp dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp khai thác, truy cập, sử dụng, góp phần công khai, minh bạch, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số.

- Chuẩn hóa, điện tử hóa theo quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của cơ quan nhà nước theo quy định.

- Đầu tư và phát triển hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật theo Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh An Giang trong các cơ quan nhà nước.

- Tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng của cấp trên tổ chức cho lãnh đạo và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn xã.

2. Phát triển kinh tế số

- Phần đầu tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt 6%.

- Phần đầu 40% dân số tham gia mua sắm trực tuyến.

- Trên 40% người dân độ tuổi lao động biết sử dụng điện thoại thông minh vào khai thác các ứng dụng nền tảng phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- 100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử; 30% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số; 60% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.

*** Giải pháp:**

- Tổ công nghệ số cùng các ngành, đơn vị phát triển đẩy mạnh công tác phổ biến kiến thức chung về kinh tế số đến người dân; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cung cấp dịch vụ trên nền tảng số.

- Văn hoá xã hội chủ trì phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông cung cấp thông tin, hướng dẫn nhân dân nội dung giao dịch không dùng tiền mặt và đẩy mạnh các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt.

- Triển khai các chương trình hỗ trợ thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ số. Tăng cường hợp tác với các địa phương trong phát triển trong kinh tế số, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ số của các doanh nghiệp số...

3. Phát triển xã hội số

- 100% hộ gia đình có địa chỉ số.

- 70% người dân, doanh nghiệp được trang bị kỹ năng số và các quy tắc ứng xử trên môi trường số; có thể tham gia hoạt động học tập, lao động, sản xuất, đời sống và sinh hoạt trên môi trường số.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

- Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch ngân hàng hoặc

các tổ chức được phép khác đạt 40%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 85%.
- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 60%.

*** Giải pháp:**

- Tăng cường phổ cập các chương trình đào tạo kỹ năng số cho người dân thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng và Tổ Công nghệ số cộng đồng, theo hướng dễ hiểu, dễ tiếp cận. Tăng cường tuyên truyền Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức.

- Tạo môi trường thuận lợi phát triển hệ sinh thái ứng dụng công nghệ số nhằm cung cấp các sản phẩm, dịch vụ số thiết yếu, thông minh, dễ sử dụng cho người dân. Tăng cường hướng dẫn người dân đăng ký tài khoản công dân và hình thành dữ liệu điện tử trên Hệ thống thông tin dùng chung.

- Tổ chức triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy và nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa để tạo sự bình đẳng trong việc tiếp cận các dịch vụ y tế giữa nông thôn và thành thị.

- Tăng cường triển khai trên không gian mạng các sản phẩm văn hóa, lịch sử, đặc trưng, xây dựng văn hóa và con người năng động, sáng tạo, quảng bá hình ảnh địa phương.

- Thực hiện tốt Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh An Giang về việc triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

III. THỰC HIỆN KHUNG ĐỀ ÁN “AN GIANG ĐIỆN TỬ” NĂM 2023.

1. Mục tiêu cụ thể

1.1. Ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước:

- Tỷ lệ trung bình máy tính/cán bộ công chức đạt 100%; và được trang bị máy tính để soạn thảo văn bản mật.

- Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử đạt 100%;

- Tỷ lệ xã kết nối và sử dụng mạng số liệu chuyên dùng đạt 100%.

- Tỷ lệ cán bộ từ xã đến ấp được cấp và sử dụng thư điện tử trong việc giải quyết công vụ đạt 100%.

- Tỷ lệ cán bộ chuyên trách CNTT trên địa bàn xã 100% (Có quyết định chuyên trách hoặc kiêm nhiệm).

- Hơn 95% cán bộ lãnh đạo Ứng dụng chữ ký số vào hệ thống thông tin và các thiết bị di động.

- Tỷ lệ cơ quan, đơn vị triển khai giao dịch trực tuyến với kho bạc nhà nước đạt 100%.

- Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp triển khai thực hiện kê khai thuế điện tử đạt 100%.

- 100% tổ chức, doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử, biên lai điện tử thay cho hóa đơn giấy, biên lai giấy.

- 60% trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, điện, nước, dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin... có triển khai thanh toán trực tuyến, không dùng tiền mặt.

1.2. Công dịch vụ công trực tuyến:

- 100% hồ sơ TTHC được giải quyết trên Cổng dịch vụ công của tỉnh. Tỷ lệ giải quyết hồ sơ TTHC đúng hạn và trước hạn đạt tỷ lệ 100%; Tối thiểu 70% dịch vụ công trực tuyến thực hiện ở mức độ 3, mức độ 4 (một phần, toàn trình); Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đạt từ 50% trở lên; 100% cơ quan nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; hơn 90% người dân hài lòng khi sử dụng DVCTT; 50% dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử; 40% thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến. Tích hợp phần mềm đánh giá cán bộ công chức trực tuyến trên phần mềm cổng dịch vụ công của tỉnh.

1.3. Nông nghiệp:

- Phân đấu vận động hình thành từ 01 trang trại thí điểm theo các thể mạnh của địa phương ứng dụng IoT trong sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản, nhà kính...

1.4. Du lịch:

- Ít nhất tại 01 điểm tham quan, du lịch có thể truy cập wifi công cộng
- 70% CSDL về lưu trú được cập nhật trên hệ thống quản lý lưu trú.

1.5. Giáo dục:

- 100% Trang thông tin điện tử của các trường được kết nối, liên thông Cổng thông tin điện tử giáo dục toàn ngành; 100% các CSDL của các trường được đồng bộ về CSDL quản lý tập trung của toàn ngành giáo dục.

1.6. Y tế:

- Trạm y tế triển khai phần mềm quản lý y tế cơ sở đồng bộ tại xã.
- 100% CSDL về sức khỏe của người dân được cập nhật, sử dụng và lưu trữ hồ sơ sức khỏe điện tử.
- 100% CSDL về tiêm chủng cho trẻ dưới 6 tuổi tại các trạm y tế xã được đồng bộ với hệ thống quản lý y tế. Tích hợp hệ thống thông báo tin nhắn hoặc thư điện tử tiêm chủng cho trẻ dưới 6 tuổi vào phần mềm quản lý.

1.7. Môi trường:

- 100% các CSDL về thông tin địa lý được cập nhật trên hệ thống thông tin địa lý GIS dùng chung cho toàn tỉnh; các thông tin quy hoạch, hành chính, đất đai được cập nhật trên hệ thống công bố các thông tin quy hoạch.

1.8. Truyền thanh cơ sở:

- Tỷ lệ trung bình trang bị giải pháp thông tin cơ sở/số cụm loa truyền thanh tại xã đạt 100%. Mỗi năm thực hiện nâng cấp, sửa chữa, bảo trì thay thế loa 20%.
- 100% Đài Truyền thanh xã sử dụng phần mềm quản lý trong công tác tổng hợp tin bài, thông tin tuyên truyền và phần mềm quản lý thông tin cơ sở.

2. Giải pháp

2.1. Giải pháp về nhân lực:

- Chú trọng lực lượng nhân sự về CNTT, đặc biệt là đào tạo lực lượng chuyên trách đủ khả năng quản trị các hệ thống có quy mô nhỏ và vừa.

- Đào tạo cán bộ công chức: Thường xuyên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, phổ cập thường xuyên cho cán bộ công chức trên địa bàn xã về kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, an toàn an ninh thông tin để có thể thực hiện các quy trình tin học hóa về nghiệp vụ và tác nghiệp. Đồng thời, tiến hành đào tạo, tập huấn cho các cán bộ, công chức tuyển dụng mới về kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin tích hợp trong đề án.

2.2. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Đề án chấp hành bảo vệ an ninh thông tin cá nhân theo Luật an toàn thông tin mạng năm 2015 và ban hành các quy trình kiểm soát, quy định rõ mục đích và trách nhiệm sử dụng các dữ liệu cá nhân và doanh nghiệp.

- Thực hiện việc kiểm tra, bảo trì hệ thống, máy tính tại cơ quan, đơn vị; thường xuyên, tăng cường sử dụng các thiết bị, phần mềm bảo vệ hỗ trợ phát hiện, ngăn chặn kịp thời và khắc phục nhanh các sự cố.

- Xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông trong khai thác hoặc cung cấp các dịch vụ thông minh nhằm đổi mới quản lý, nâng cao năng lực sản xuất và cạnh tranh của các doanh nghiệp.

- Xây dựng chính sách khuyến khích người dân và doanh nghiệp thực hiện các giao dịch điện tử, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng công nghệ, dịch vụ thông minh vào cuộc sống để nâng cao chất lượng sinh hoạt, học tập và làm việc.

2.3. Giải pháp về tài chính

- Tập trung các nguồn vốn từ ngân sách Trung ương và địa phương. Xây dựng phương án đối ứng vốn ngân sách theo từng dự án cụ thể.

- Tăng cường công tác xã hội hóa kết hợp với nguồn vốn từ ngân sách trong quá trình thực hiện đề án.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Văn hóa và Xã hội

- Chủ trì phối hợp cùng các ngành, Ban nhân dân các ấp tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Định kỳ, đột xuất tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân thị xã, Phòng Văn hoá Thông tin về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số và Đề án “An Giang điện” trên địa bàn xã.

2. Văn phòng - Thống kê phụ trách Nội vụ và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

- Phối hợp với Văn hóa Xã hội thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của UBND xã; đẩy mạnh ứng dụng CNTT, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường tiếp nhận, trả kết quả dịch vụ mức công mức độ 3, mức độ 4; tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích và

những thủ tục hành chính bắt buộc trả kết quả điện tử.

- Chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được giao, cung cấp tài liệu kiểm chứng phục vụ tự chấm điểm Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp xã.

- Theo dõi, đôn đốc các ngành thực hiện cải cách hành chính kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Tham mưu UBND xã nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ quản lý (hoặc kiêm nhiệm) phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn xã theo vị trí việc làm và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Tài Chính - Kế toán

- Tham mưu cho UBND xã bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và tham mưu cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được giao trong Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp xã liên quan đến kinh phí, cung cấp đầy đủ tài liệu kiểm chứng theo yêu cầu.

5. Đại chính nông nghiệp - Xây dựng & môi trường

- Cập nhật 100% vào hệ thống CSDL dùng chung ngành môi trường; 100% các CSDL về thông tin địa lý được cập nhật trên hệ thống thông tin địa lý GIS dùng chung cho toàn thị xã.

- Cung cấp các thông tin quy hoạch, hành chính, đất đai để cập nhật trên hệ thống công bố các thông tin quy hoạch.

6. Các điểm trường

- Đăng ký tham gia các lớp đào tạo nguồn nhân lực CNTT, chuyển đổi số trong hệ thống ngành giáo dục, nhằm đáp ứng quá trình ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và phổ cập kiến thức CNTT, kỹ năng số, dịch vụ công trực tuyến.

- Xây dựng và triển khai chương trình ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào công tác quản lý ngành và việc dạy, học.

7. Công an xã

- Phối hợp với Văn hóa Xã hội xã, các ngành, đơn vị liên quan thực hiện đảm bảo an toàn, an ninh mạng và các hành vi tấn công mạng gây ảnh hưởng đến chính quyền và đời sống nhân dân trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được giao, cung cấp số liệu liên quan trong Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp xã.

8. Các ban, ngành xã

- Các ngành, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch này theo điều kiện thực tế của đơn vị mình. Tổ công nghệ số triển khai các giải pháp nhằm duy trì và tiếp tục phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, Đề án An Giang điện tử tại cơ quan, thực hiện ngày càng hiệu quả, thiết thực hơn.

9. Ban nhân dân các ấp

Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung Kế hoạch, tạo sự thống nhất cao về tư tưởng, ý chí và hành động, quyết tâm thực hiện đạt kết quả cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch đề ra.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Chuyển đổi số và thực hiện Khung đề án “An Giang điện tử” trên địa bàn xã Tân Thạnh năm 2023, yêu cầu các ngành, cơ quan, đơn vị, Ban nhân dân các ấp căn cứ các nội dung, nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phòng Văn hoá Thông tin thị xã;
- Thường trực Đảng uỷ; HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các ban, ngành xã;
- Công an xã;
- Ban nhân dân các ấp;
- Lưu: VT, Hưng.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quốc Hải



KH số 120 triển khai
Chương trình cung